

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HS-ST

Ngày 25-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Viết

Ông Nguyễn Trọng Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Lê Hoài Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1017/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H, sinh năm: 1996 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn H1, sinh năm 1979 và bà Đoàn Thị Mỹ N, sinh năm 1975; tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án số: 19/2020/HS-PT ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo 20.000.000 đồng về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chưa chấp hành xong; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/02/2023 (BL 709, 715) cho đến nay; có mặt.

2. Trần Võ Ý N1, sinh năm: 1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số E Khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Công T, sinh năm 1977 và bà Võ Thị Hồng T1, sinh năm 1979; có hai con lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Tăng Minh H2, sinh năm: 1973 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A, Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 6/12;

giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Tăng H3 (không rõ thông tin nhân thân) và bà Văn Thị V, sinh năm 1952; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/6/2023 (BL 886, 892) cho đến nay; có mặt.

4. Nguyễn Huỳnh T2 (Cu E), sinh năm: 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1966 và bà Huỳnh Thị T4, sinh năm 1966; vợ: Phạm Thị T5; con: có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: tại Bản án số: 19/2019/HSST ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; tại Bản án số: 108/2019/HSST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với Bản án số: 19/2019/HSST ngày 27/8/2019, buộc bị cáo chấp hành chung cho cả 02 tội là 01 năm 06 tháng tù, chấp hành án xong ngày 27/8/2020; tại Bản án số 21/2021/HSST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 02 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” (đã phạm vào trường hợp tái phạm nguy hiểm), chấp hành xong ngày 07/9/2022; Về nhân thân: Tại Bản án số: 66/2023/HSST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 06 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2023; tiền sự: không; bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

5. Nguyễn Ngọc B, sinh năm: 1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A Khu phố D, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: lớp 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1973 và bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1973; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Lê Văn H: Ông Trương Văn T6 – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh B, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Thanh D1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số A Khu phố D, Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1992. Nơi ĐKTT: ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Số D Khu phố A, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị D2, sinh năm 1991. Nơi ĐKTT: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Lê Đình D3, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số H, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Diệp Văn R, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số C Khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

6. Công ty TNHH Một thành viên C1. Địa chỉ: Lô T đường D, Khu C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hữu T7, sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Công ty Cổ phần B2. Địa chỉ: Số B K, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Loan T8, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số B Đại lộ Đ, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Cao Minh H4, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số C Khu phố D, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thanh H5, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Số C Khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

3. Bà Đoàn Thị Mỹ N, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số A, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bằng thủ đoạn lợi dụng đêm vắng vắng lẻn lút phá khóa đột nhập vào nhà người khác để lấy cắp tài sản, trong khoảng thời gian từ ngày 09/11/2022 đến ngày 09/02/2023 Lê Văn H cùng với Trần Võ Ý N1, Tăng Minh H2 thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố B và có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; ngoài ra còn có Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Huỳnh T2 có hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 09/11/2022, Lê Văn H phát hiện cửa hàng sửa Gia Đình V, địa chỉ: số C, khu phố F, phường P, thành phố B của anh Nguyễn Thanh D1 đóng cửa, không người trông coi nên nảy sinh ý định vào lấy trộm tài sản nên rủ Trần

Võ Ý N1 (bạn gái H) cùng thực hiện thì được N1 đồng ý. Sau đó H chuẩn bị sẵn ống tuýp sắt dùng để nạy ổ khóa và kêu Trần Võ Ý N1 điều khiển xe mô tô chở đến cửa hàng sữa Gia Đình V, H xuống xe dùng ống tuýp sắt nạy ổ khóa vào trong lấy trộm 06 hộp sữa N2 và 09 hộp sữa Similac. Lấy tài sản xong N1 điều khiển xe chở H cùng số sữa trộm được về nhà N1 cất giấu và để cho con của N1 sử dụng.

Ngày 26/6/2023 Hội đồng định giá tài sản thành phố B, tỉnh Bến Tre kết luận: 06 hộp sữa Nal và 09 hộp sữa Similac có tổng trị giá 7.266.000 đồng.

Vụ thứ hai: Đêm ngày 18/12/2022, Lê Văn H phát hiện cửa hàng Đ, địa chỉ số D, khu phố A, Phường H, thành phố B của anh Nguyễn Thành L đóng cửa, không người trông coi nên nảy sinh ý định vào lấy trộm tài sản. Sau đó H về phòng trọ lấy kiếm cộng lực nhờ T9 (chưa xác định họ tên và địa chỉ) chở đến cửa hàng Đ, T9 đứng đợi gần đó, H đến dùng kiếm cộng lực cắt khoen cửa đột nhập vào lấy trộm 06 điện thoại di động (ĐTDD) các loại đã qua sử dụng (gồm: 01 ĐTDD hiệu N5; 02 ĐTDD hiệu Iphone 7 Plus; 02 ĐTDD hiệu Samsung J7; 01 ĐTDD hiệu Iphone 6) và 03 sạc điện thoại. Lấy tài sản xong T9 điều khiển xe chở H cùng số tài sản trộm được về phòng trọ của H cất giấu; H cho T9 02 ĐTDD không nhớ loại gì, số điện thoại còn lại H sử dụng và bán cho tiệm sửa điện thoại gần Đình An H6 không nhớ hiệu với giá 600.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 30/6/2023 Hội đồng định giá tài sản thành phố B, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 ĐTDD hiệu Nokia 8800; 02 ĐTDD hiệu Iphone 7 Plus; 02 ĐTDD hiệu Samsung J7; 01 ĐTDD hiệu Iphone 6 và 03 sạc điện thoại, tổng trị giá 4.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Đêm ngày 24/12/2022, Lê Văn H tiếp tục nảy sinh ý định đột nhập vào cửa hàng sữa Gia Đình V của anh Nguyễn Thanh D1 để lấy trộm tài sản. Sau đó H gặp người bạn tên B1 (chưa xác định họ tên và địa chỉ) nên nhờ chở đến khu vực cầu B thì H xuống xe còn B1 đi về. H đi bộ đến cửa hàng sữa Gia Đình V dùng kiếm cộng lực cắt khoen cửa vào lấy trộm 25 hộp sữa các loại (gồm: 04 hộp sữa hiệu Natrumax Sure goll, 05 hộp sữa hiệu Natrumax New born, 05 hộp sữa hiệu Natrumax Diabet, 03 hộp sữa hiệu Natrumax beatyful, 08 hộp sữa hiệu Nal). Lấy tài sản xong H đem về phòng trọ một số để cho con N1 sử dụng và gửi tại nhà của Nguyễn Huỳnh T2 09 hộp sữa, sau đó H lấy 05 hộp đem đi bán được số tiền 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết; còn lại 04 hộp gửi ở nhà của T2. Đối với Nguyễn Huỳnh T2 biết rõ số sữa trên do H trộm cắp mà có nhưng vẫn chứa chấp.

Ngày 26/6/2023 Hội đồng định giá tài sản thành phố B, tỉnh Bến Tre kết luận: 04 hộp sữa hiệu Natrumax Sure goll, 05 hộp sữa hiệu Natrumax New born, 05 hộp sữa hiệu

Natrumax Diabet, 03 hộp sữa hiệu Natrumax beatyful, 08 hộp sữa hiệu Nal có tổng trị giá 16.549.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 02 giờ ngày 08/01/2023, Lê Văn H điều khiển xe mô tô chở Trần Võ Ý N1 đi tìm tài sản để trộm. Khi đến nhà không số thuộc Tổ NDTQ số 1, ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre của chị Nguyễn Thị D2 phát hiện cửa khóa, không người trông coi nên H xuống xe đến dùng kiềm cộng lực cắt khóa vào lấy trộm một xe mô tô biển số 71C1-129.67. Khi về phòng trọ H tháo biển số xe 71C1-129.67 thay vào biển số 51R2-6917 để làm phương đi lại chung với N1.

Ngày 29/6/2023 Hội đồng định giá tài sản thành phố B, tỉnh Bến Tre kết luận: xe mô tô biển số 71C1-129.67 trị giá 12.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 05 giờ ngày 10/01/2023, Lê Văn H cùng Tăng Minh H2 nảy sinh ý định đi tìm tài sản để lấy trộm. Sau đó H2 điều khiển xe chở H đến cửa hàng Đ1, địa chỉ G, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre của anh Lê Đình D3 để trộm tài sản. Khi đến cửa hàng điện thoại di động Lê D3, H leo lên mái tôn dùng kiềm cắt tôn đột nhập vào trong lấy trộm 08 ĐTDĐ các loại đã qua sử dụng (gồm: 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A50, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A30S, 01 ĐTDĐ hiệu Redmi Si, 01 ĐTDĐ hiệu Redmi Note 7, 01 ĐTDĐ hiệu Oppo F1S, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung J7 Pro, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung J600, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A600) và 50 thẻ card điện thoại Vinaphon, 48 thẻ card điện thoại Mobiphone gồm nhiều mệnh giá 100.000 đồng, 50.000 đồng, 20.000 đồng. Sau khi lấy tài sản xong H2 điều khiển xe chở H và số tài sản trộm được về nhà trọ của H2. Tại đây, H cho H2 03 ĐTDĐ và một số thẻ card điện thoại trị giá khoảng 1.000.000 đồng, số còn lại H giữ bán tiêu xài cá nhân. Qua ngày hôm sau, H lấy lại 02 điện thoại của H2 và cho H2 600.000 đồng. Số ĐTDĐ lấy trộm H đã bán ở các tiệm sửa điện thoại không nhớ tên và địa chỉ.

Ngày 04/7/2023 Hội đồng định giá tài sản thành phố B, tỉnh Bến Tre kết luận: 08 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng (gồm: 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A50, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A30S, 01 ĐTDĐ hiệu Redmi Si, 01 ĐTDĐ hiệu Redmi Note 7, 01 ĐTDĐ hiệu Oppo F1S, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung J7 Pro, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung J600, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A600) và 50 thẻ card điện thoại Vinaphon, 48 thẻ card điện thoại Mobiphone tổng trị giá 17.140.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 02 giờ ngày 13/01/2023, Tăng Minh H2 điều khiển xe chở Lê Văn H đến cửa hàng bán máy tính xách tay Ánh Dương, địa chỉ G, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre của anh Diệp Văn R để trộm tài sản. Khi đến cửa hàng H dùng kiềm cộng lực cắt khoen cửa đột nhập vào trong lấy trộm 11 laptop các loại, 01 Ipad và 01 vỏ máy laptop (có đặc điểm như Phụ lục 01 kèm theo). Sau đó H điện thoại

H2 lại chở H cùng tài sản lấy trộm đem về nhà trọ của H cất giấu. Số tài sản lấy được H cho H2 một laptop qua ngày hôm sau H lấy lại và cho H2 500.000 đồng, cho Cao Minh H4 một laptop và một vỏ máy laptop. Hân bán cho Nguyễn Thanh H5 04 máy laptop với giá 4.000.000 đồng, H đưa S (chưa xác định họ tên địa chỉ) một máy laptop nhờ bán dùm với giá 2.000.000 đồng và H bán cho người bạn của H (không xác định họ tên địa chỉ) một máy laptop với giá 1.000.000 đồng, 01 Ipad Hân giữ sử dụng ở phòng trọ, số tài sản còn lại H đưa cho S cất giữ hiện không thu hồi được.

Ngày 30/3/2023 Hội đồng định giá tài sản thành phố B, tỉnh Bến Tre kết luận: 11 laptop các loại, 01 Ipad và 01 vỏ máy laptop tổng trị giá 70.000.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng 01 giờ ngày 25/01/2023, Lê Văn H điện thoại kêu Trần Võ Ý N1 ra khu vực cầu C để chở H về phòng trọ. Lúc này có Nguyễn Ngọc B đến nhà trọ chơi nên N1 hỏi mượn xe mô tô biển số 71C2-785.25 của B để đi rước H. Khi gặp N1, H nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản nên kêu N1 chở đến Cửa hàng Thế giới di động tại địa chỉ số A, Khu phố A, Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre để lấy trộm tài sản thì được N1 đồng ý. Khi chở đến Cửa hàng T11 đậu xe bên ngoài chờ, H đến dùng kiểm cộng lực cắt khóa cửa đột nhập vào trong lấy cắp 71 ĐTDD các loại và 03 đồng hồ thông minh (có đặc điểm như Phụ 02 kèm theo). Lấy tài sản xong, N1 điều khiển xe chở H cùng số tài sản trộm được về phòng trọ cất giấu. Khi về đến phòng trọ gặp B, H và N1 nói cho B biết là mới đi trộm điện thoại tại Cửa hàng T11 di động ở Phường E và lấy cho B 01 ĐTDD hiệu oppo, B nhận điện thoại rồi lấy xe ra về. Số điện thoại trộm được H bán tại địa bàn Bến Tre 02 điện thoại hiệu oppo được 4.000.000 đồng; bán cho Nguyễn Huỳnh T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y22S 4GB; số còn lại H và N1 đem lên Thành phố Hồ Chí Minh nhờ người bạn tên D3 (chưa xác định họ tên và địa chỉ cụ thể) đi bán được với tổng số tiền 45.000.000 đồng, H cho D3 5.000.000 đồng; H cùng N1 tiêu thụ tại Tiền Giang được số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền có được H mua cho N1 01 mô tô trị giá 15.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân và gửi cho mẹ ruột là bà Đoàn Thị Ngọc M1 cất giữ số tiền 5.000.000 đồng. Ngoài ra, N1 cất giữ một điện thoại hiệu OPPO để sử dụng. Đối với Nguyễn Huỳnh T2, Nguyễn Ngọc B biết rõ ĐTDD mà H, N1 cho, bán là tài sản do H và N1 trộm cắp mà có nhưng vì động cơ vụ lợi các bị cáo vẫn đồng ý tiêu thụ.

Ngày 10/02/2023 Hội đồng định giá tài sản thành phố B, tỉnh Bến Tre kết luận: 71 ĐTDD các loại và 03 đồng hồ thông minh tổng trị giá là 314.925.300 đồng.

Vụ thứ tám: Khoảng 02 giờ ngày 09/02/2023, Lê Văn H nhờ Tăng Minh H2 điều khiển xe mô tô biển số 71B4-312.07 chở H đến cửa hàng F thuộc Phường E, thành phố B để trộm cắp tài sản thì H2 đồng ý. Khi đến cửa FPT Hậu đậu xe bên ngoài gần đó, H

dùng kiếm cộng lực cắt khoen khóa cửa đột nhập vào trong lấy trộm 10 điện thoại di động các loại (có đặc điểm như Phụ lục 03 kèm theo). Lấy tài sản xong, H2 chở H cùng tài sản lấy trộm được đem về phòng trọ của H2. Hân chia cho H2 02 điện thoại di động một cái hiệu Redmi và một cái điện thoại oppo A57. Điện thoại oppo H2 bán ở tiệm điện thoại không nhớ địa chỉ được số tiền 2.000.000 đồng, H2 tiêu xài hết 100.000 đồng còn lại điện thoại hiệu Redmi Cơ quan điều tra khám xét thu giữ và tạm giữ số tiền 1.900.000 đồng. Số điện thoại còn lại H đem qua Tiền Giang bán cho các cửa hàng điện thoại di động (không rõ địa chỉ) được 35.000.000 đồng dùng vào việc tiêu xài cá nhân, còn lại 24.000.000 đồng H gửi mẹ ruột là bà Đoàn Thị Ngọc M1 giữ dùm.

Ngày 29/3/2023 Hội đồng định giá tài sản thành phố B, tỉnh Bến Tre kết luận: 10 ĐTDĐ các loại tổng trị giá là 134.981.100 đồng.

Vụ thứ chín: Do bản thân Lê Văn H và Trần Võ Ý N1 là người sử dụng ma túy, nên ngày 09/02/2023 H đưa tiền cho N1 để mua ma túy về sử dụng chung. Sau đó N1 liên hệ với Cao Minh H4, sinh năm 1986 để mua hai túi ma túy giá 1.000.000 đồng đem về phòng trọ H và N1 sử dụng chung, phần còn lại cất giấu tại phòng. Ngày 10/02/2023 Cơ quan CSĐT Công an thành phố B tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở phòng trọ số 14, nhà trọ O, địa chỉ E, khu phố C, Phường H, thành phố B (nơi H và N1 thuê sống chung với nhau), thu giữ hai túi nylon bên trong có chứa tinh thể màu trắng.

Tại Kết luận giám định số: 407/2023/KL-KTHS ngày 20/6/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetaminine; khối lượng 2,0923 gam.

Quá trình điều tra N1 khai nhận số ma túy trên do N1 mua của Cao Minh H4, tuy nhiên kết quả điều tra H4 không thừa nhận và không có chứng cứ nào khác chứng minh Cao Minh H4 có hành vi bán ma túy cho N1.

Vụ thứ mười: Bản thân Tăng Minh H2 là người sử dụng ma túy, nên ngày 09/02/2023 H2 liên hệ với một người tên Q (chưa rõ họ tên, địa chỉ) mua một túi ma túy với giá 200.000 đồng để sử dụng. Sau khi mua ma túy, H2 đem về phòng trọ để sử dụng phần còn lại H2 cất giấu tại phòng. Ngày 10/02/2023 Cơ quan CSĐT Công an thành phố B khám xét khẩn cấp nơi ở của Tăng Minh H2 tại phòng số 4, nhà trọ 311D, khu phố C, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre thu giữ một túi nylon được hàn kín 03 phía, bên trong có tinh thể màu trắng.

Tại Kết luận giám định số: 495/2023/KL-KTHS ngày 20/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B đối với giám định chất ma túy kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong

01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetaminine; khối lượng 0,1795 gam.

*** Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm có:**

1. Khám xét thu giữ tại nhà trọ của Lê Văn H, Trần Võ Ý N1 thuê ở gồm:

- Một bình màu xanh đen, có chữ NATO CS-GAS SILLIARDE, cao 15cm, đường kính 3,5cm (có niêm phong).
- Một hộp màu đỏ vàng, kích thước 06cm x 05cm x 3,5cm, có ghi chữ “Tiệm bạc Kim Ngân K”.
- Một nỏ thủy tinh màu trắng.
- Một kéo kim loại màu trắng dài 16cm.
- Một xe mô-tô nhãn hiệu HONDA, số loại: Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển số 71B4-312.07, số khung: RLHJA3917LY150675, số máy JA39E1487494.
- Một túi Ni-long màu trắng hàn kính ba phía, phía còn lại có rãnh khẹp, kích thước 03cm x 03cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng và một túi Ni-long màu trắng hàn kính ba phía, phía còn lại có rãnh khẹp, kích thước 03cm x 3,5cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (có niêm phong).
- Một Ipad 64GB, màu trắng-đen, số I: 012804002954049.
- Một điện thoại di động VIVO màu xanh-đen, số I: 866855069880417.
- Tiền Việt Nam 30.900.000đ (ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng).
- Một thanh kim loại lục giác dài 12cm, đầu chữ L dài 02cm.
- Một mỏ lách bằng kim loại dài 29,5cm, hiệu Forged, loại 12 (in) -300mm.
- Một quần Jeand ngắn, màu xanh.
- Một áo khoác màu đen, phía sau có hình trắng lưỡi liềm màu vàng.
- Một thanh kim loại lục giác dài 10,5cm, đầu chữ L dài 1,5cm.
- Một cò- lê bằng kim loại dài 13cm, khoá 10-14.
- Một thanh kim loại lục giác L, một đầu được đập dẹp, cong kích thước 13cm x 07cm.
- Một thanh kim loại lục giác dài 9,5cm, đầu chữ L dài 1,5cm.
- Một nón màu đen có chữ "R".
- Một cây dũa tam giác bằng kim loại dài 12,5cm.
- Một thanh kim loại có một đầu dẹp, một đầu 04 cạnh, dài 13cm.
- Một thanh kim loại lục giác dài 15cm, đầu chữ L dài 03cm.
- Một thanh kim loại lục giác dài 13cm, đầu chữ L dài 03cm.
- Một áo khoác màu đen, hai bên vai có chữ màu trắng "Supreme".
- Một thanh kim loại lục giác dài 22c, đầu chữ L dài 04cm.

- Một đầu phát lửa (khò) dùng cho bình ga M-ni, màu đen.
- Một thanh kim loại lục giác dài 16,5cm, đầu chữ L dài 3,5cm.
- Một thùng bằng giấy, kích thước 32cm x 32cm x 33cm.
- Hai mảnh khoen kim loại..
- Đoạn dây xích, mảnh khoen.
- Một hộp điện thoại hiệu VIVO Y2, màu trắng, số I:866855089880417.

2. Đồ vật thu giữ khám xét tại nhà trọ của Tăng Minh H2 ở:

- Một túi Ni-long màu trắng hàn kính ba phía, phía còn lại có rãnh khép, kích thước 03cm x 03cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (có niêm phong).
- Một bình thủy tinh màu trắng, nắp màu xanh cao 14cm, đường kính đáy 04cm, trên nắp có găng ống phiều dài 10cm.
- Một cây kiểm bằng kim loại màu cam-đen kích thước 36x10cm, tay cầm có bọc nhựa màu đen, có ghi chữ Askı (có niêm phong).
- Một nón bảo hiểm màu xanh, có chữ USER.

3. Thu trên người của Tăng Minh H2 gồm:

- Một điện thoại REDMI màu xanh-đen, số I: 862788068807202.
- Một quần lửng màu cam.
- Một áo thun tay ngắn màu đen.
- Tiền Việt Nam 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng).

4. Đồ vật tạm giữ của Cao Minh H4 giao nộp gồm:

- Một vỏ Laptop màu đen, hiệu ASUS, Model: X553S.
- Một Laptop màu đen, hiệu ASUS, Model: F454L, số máy: FANOWU203908437, kèm theo bộ sạc.

5. Đồ vật tạm giữ của Nguyễn Thanh H5 giao nộp gồm:

- Một laptop màu đen, hiệu ACER, Model: ZQT, số S: NXMORSV016305D3907600.
- Một laptop màu đen, hiệu ACER, Model: ZQT, số S: LXRR60C0311330C0562500.
- Một laptop màu đen, hiệu TOSIBA, model: PSAARA-055007, số S: 17127238Q.
- Một laptop màu đen, hiệu TOSIBA, model: PSCZ4L-006006, số S: 7B2788460.

6. Đồ vật tạm giữ của Nguyễn Ngọc B giao nộp gồm:

- Một điện thoại di động hiệu OPPO A76, màu đen, số Imei 1: 869571058873597, số Imei 2: 869571058873589, kèm theo hộp, 01 cục sạc, 01 cáp USB, ốp lưng bằng nhựa màu trắng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future màu xanh - nâu - đen, số máy JC90E0173181, số khung RLHJC7651MY057287, biển số 71C2-785.25 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71007944.

7. Đồ vật tạm giữ của Nguyễn Huỳnh T2 giao nộp gồm:

- Một điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y22S 4GB, màu xanh-đen, số I: 866855067798835.

- 03 hộp sữa NATRUMAX New born.

- 01 hộp sữa Natrumax Sure goll gam.

8. Đồ vật tạm giữ của Đoàn Thị Mỹ N giao nộp gồm:

- Tiền Việt Nam 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng).

9. Đồ vật tạm giữ của Trần Võ Ý N1 giao nộp gồm:

- Một xe mô-tô biển số kiểm soát 51R2-6917, màu xanh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOZZA, số máy: 1DR1-063184, số khung: DR10CY063179.

- Một điện thoại OPPO màu đen, số Imei: 866451065221556.

Ngoài ra quá trình khám nghiệm hiện trường còn thu giữ nhiều dấu đường vân. Tại Kết luận giám định số: 440/2023/KL-KTHS ngày 20/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B đối với giám định đường vân kết luận:

- Dấu vết đường vân thu ở hiện trường (ký hiệu A28, A32 so với vân tay ngón "Út phải", "Trỏ phải" trên chỉ bản số 43, lập ngày 31/5/2023 tại Công an thành phố B, tỉnh Bến Tre mang tên Lê Văn H, sinh ngày 22/6/1996, nơi cư trú số 176B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (M) là của cùng một người để lại.

- Dấu vết đường vân thu ở hiện trường (ký hiệu từ A1 đến A13, A18 đến A22.A24 đến A26, A29 đến A31, A33, A34, A36 đến A38) không phải người có tên trên chỉ bản được (ký hiệu M) để lại.

- Dấu vết đường vân thu ở hiện trường (ký hiệu từ A14 đến A17, A23, A27, A35) không đủ yếu tố giám định.

Tại Kết luận giám định số 4094/KL-KTHS ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ C2 tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với giám định Công cụ hỗ trợ kết luận: Bình xịt gửi giám định là công cụ hỗ trợ, thuộc loại bình xịt hơi cay.

*** Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng gồm:**

1. Trả lại cho bị hại Diệp Văn R:

- Một Ipad 64GB, màu trắng-đen, số Imei: 012804002954049 (giá 2.500.000đ);

- Một vỏ Laptop màu đen, hiệu ASUS, Model: X553S (giá 1.000.000đ);

- Một Laptop màu đen, hiệu ASUS, Model: F454L, số máy: FANOWU203908437, kèm theo bộ S1 (giá 6.000.000đ);

- Một laptop màu đen, hiệu ACER, Model: ZQT, số S/N: NXMORSV016305D3907600 (giá 4.000.000đ);
- Một laptop màu đen, hiệu ACER, Model: ZQT, số S/N: LXRR60C0311330C0562500 (giá 3.000.000đ);
- Một laptop màu đen, hiệu TOSIBA, model: PSAARA-055007, số Serial: 17127238Q (giá 2.500.000đ);
- Một laptop màu đen, hiệu TOSIBA, model: PSCZ4L-006006, số S: 7B2788460 (giá 3.500.000đ)

2. Trả lại cho Nguyễn Hữu T7 là Người đại diện Cửa hàng T11, thành phố B:

- Một điện thoại di động hiệu OPPO A76, màu đen, số Imei 1: 869571058873597, số Imei 2: 869571058873589, kèm theo hộp, 01 cục sạc, 01 cáp USB, ốp lưng bằng nhựa màu trắng.
- Một điện thoại OPPO màu đen, số Imei: 866451065221556.
- Một điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y22S 4GB, màu xanh-đen, số I: 866855067798835.
- Một điện thoại di động VIVO màu xanh-đen, số I: 866855069880417.
- Tiền Việt Nam 5.000.000đ (năm triệu đồng).

3. Trả lại cho Phạm Thị Ngọc M2 là người đại diện của hàng FPT P, thành phố B:

- Một điện thoại REDMI màu xanh-đen, số I: 862788068807202.
- Tiền Việt Nam 25.900.000đ (hai mươi lăm triệu chín trăm ngàn đồng).

4. Trả lại cho bị hại Nguyễn Thanh D1:

- 03 hộp sữa NATRUMAX New born.
- 01 hộp sữa Natrumax Sure goll gam.

5. Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị D2:

- Một xe mô-tô không biển số kiểm soát, màu xanh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOZZA, số máy: 1DR1-063184, số khung: DR10CY063179.

6. Trả lại cho ông Nguyễn Hữu D, *sinh năm 1973, nơi thường trú số 166A*, Khu phố D, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future màu xanh - nâu - đen, số máy JC90E0173181, số khung RLHJC7651MY057287, biển số 71C2-785.25 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71007944.

* Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSBT-P1 ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố Lê Văn H về “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c

khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố Trần Võ Ý N1, Tăng Minh H2 về “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Huỳnh T2 về “Tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Ngọc B về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung Cáo trạng.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Trần Võ Ý N1 và Tăng Minh H2 phạm “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Huỳnh Tài p “Tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị cáo Nguyễn Ngọc B phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 12 năm đến 13 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Văn H chấp hành chung cho cả 02 tội là từ 13 năm 06 tháng đến 15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2023.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Võ Ý N1 từ 07 năm đến 08 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Võ Ý N1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Võ Ý N1 chấp hành chung cho cả 02 tội là từ 08 năm đến 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tăng Minh H2 từ 07 năm đến 08 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tăng Minh H2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Tăng Minh H2 chấp hành chung cho cả 02 tội là từ 08 năm đến 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2023.

1.4. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh T2 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về “Tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B từ 06 tháng đến 09 tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; tịch thu tiêu hủy vật chứng đã thu giữ do không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng. Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự;

- Buộc các bị cáo Lê Văn H, Trần Võ Ý N1 bồi thường cho bị hại Nguyễn Thanh D1 7.266.000 (bảy triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng (chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 3.633.000 đồng);

- Buộc bị cáo Lê Văn H bồi thường cho bị hại Nguyễn Thanh D1 13.849.000 (mười ba triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn) đồng;

- Buộc các bị cáo Lê Văn H, Tăng Minh H2 bồi thường cho bị hại Lê Đình D3 17.140.000 (mười bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng (trong đó bị cáo H phải bồi thường 14.140.000 đồng, bị cáo H2 phải bồi thường 3.000.000 đồng);

- Buộc các bị cáo Lê Văn H, Tăng Minh H2 bồi thường cho bị hại Diệp Văn R 47.500.000 (bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng (trong đó bị cáo H phải bồi thường 47.000.000 đồng, bị cáo H2 phải bồi thường 500.000 đồng);

- Buộc các bị cáo Lê Văn H, Trần Võ Ý N1, Nguyễn Huỳnh T2 bồi thường cho Công ty TNHH Một thành viên C1 308.847.100 (ba trăm lẻ tám triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm) đồng (chia phần bị cáo H phải bồi thường 153.947.450 đồng, bị cáo N1 bồi thường 153.947.450 đồng, bị cáo T2 bồi thường 952.200 đồng);

- Buộc các bị cáo Lê Văn H, Tăng Minh H2 bồi thường cho Công ty Cổ phần B2 105.946.100 (một trăm lẻ năm triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm) đồng (chia phần bị cáo H bồi thường 102.692.400 đồng, bị cáo H2 bồi thường 3.253.700 đồng).

Ghi nhận bị hại D2 và bị hại L đã nhận tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo H, cho rằng thống nhất về hai tội danh đối với bị cáo H, về tình tiết giảm nhẹ Cáo trạng nêu đầy đủ, bị cáo thừa nhận số liệu, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ là ông cố là liệt sĩ, bị cáo có bồi thường xong cho một bị hại (anh L). Đề nghị áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng:

- Bị cáo H: thấy hối hận, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt;
- Bị cáo N1: Có hai con nhỏ yêu cầu giảm nhẹ hình phạt;
- Bị cáo H2: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt;
- Bị cáo T2: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt để sớm về gia đình;
- Bị cáo B: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố về tổng thể đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Việc vắng mặt người tham gia tố tụng, do đã hoãn phiên tòa một lần vào ngày 28/3/2024, những người tham gia tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ, do vậy phiên tòa tiếp tục xét xử.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập, có cơ sở xác định: Để có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 09/11/2022 đến ngày 09/02/2023 Lê Văn H cùng các đồng phạm Trần Võ Ý N1, Tăng Minh H2 và 02 đối tượng khác (chưa rõ thông tin cá nhân) thực hiện 08 vụ cấp tài sản, trên địa bàn thành phố B, cụ thể như sau:

- Ngày 09/11/2022 tại Số C, Khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Văn H, Trần Võ Ý N1 chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thanh D1 06 hộp sữa N2 và 09 hộp sữa Similac trị giá 7.266.000 đồng.

- Ngày 18/12/2022 tại Số D, Khu phố A, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Văn H cùng đối tượng tên T9 (chưa xác định họ tên và địa chỉ) chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thành L 06 điện thoại di động và 03 sạc điện thoại trị giá 4.500.000 đồng.

- Ngày 24/12/2022, tại Số C, Khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Văn H chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thanh D1 04 hộp sữa hiệu Natrumax Sure goll, 05 hộp sữa hiệu Natrumax New born, 05 hộp sữa hiệu Natrumax Diabet, 03 hộp sữa hiệu Natrumax beatyful, 08 hộp sữa hiệu Nal trị giá 16.549.000 đồng.

- Ngày 08/01/2023 tại Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Văn H, Trần Võ Ý N1 chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị D2 xe mô tô biển số 71C1-129.67 trị giá 12.000.000 đồng.

- Ngày 10/01/2023 tại Số G, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Văn H, Tăng Minh H2 chiếm đoạt của bị hại Lê Đình D3 08 điện thoại di động và 50 thẻ card điện thoại trị giá 17.140.000 đồng.

- Ngày 13/01/2023 tại Số G, Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Văn H, Tăng Minh H2 chiếm đoạt của bị hại Diệp Văn R 11 Laptop các loại, 01 Ipad và 01 vỏ máy laptop trị giá 70.000.000 đồng.

- Ngày 25/01/2023 tại Cửa hàng T11 ở Số A, Khu phố A, Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Văn H và Trần Võ Ý N1 chiếm đoạt của cửa hàng 71 điện thoại di động các loại và 03 đồng hồ thông minh, trị giá 314.925.300 đồng.

- Ngày 09/02/2023 tại Cửa hàng F ở Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Văn H, Tăng Minh H2 chiếm đoạt của cửa hàng 10 điện thoại di động trị giá 134.981.100 đồng.

Như vậy, các bị cáo tham gia chiếm đoạt tài sản có giá trị như sau: Lê Văn H chiếm đoạt 577.361.400 đồng, Trần Võ Ý N1 chiếm đoạt 334.191.300 đồng và Tăng Minh H2 chiếm đoạt 222.121.100 đồng.

Đối với Nguyễn Huỳnh T2, Nguyễn Ngọc B biết rõ điện thoại di động mà H, N1 cho, bán là tài sản do H và N1 trộm cắp mà có nhưng về động cơ vụ lợi các bị cáo vẫn đồng ý tiêu thụ và Nguyễn Huỳnh T2 biết rõ 09 hộp sữa mà bị cáo H đem đến gởi là do trộm cắp mà nhưng vẫn chứa chấp.

Ngoài ra, Lê Văn H, Trần Võ Ý N1 và Tăng Minh H2 còn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Cụ thể:

- Ngày 10/02/2023 tại phòng trọ số 14, nhà trọ O, địa chỉ E, Khu phố C, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Văn H, Trần Võ Ý N1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại: Methamphetaminine; khối lượng 2,0923 gam, nguồn ma túy có được do H đưa tiền cho N1 mua để sử dụng.

- Ngày 10/02/2023 tại phòng số 4, nhà trọ 311D, Khu phố C, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre Tăng Minh Hậu có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại: Methamphetaminine; khối lượng 0,1795 gam.

Với ý thức, hành vi và hậu quả đã xảy ra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố Lê Văn H về “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố Trần Võ Ý N1, Tăng Minh H2 về “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Huỳnh T2 về “Tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Ngọc B về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nguyễn Thanh D1 yêu cầu bồi thường 7.266.000 đồng (bị cáo H và bị cáo N1) và 16.549.000 đồng (bị cáo H). Tổng cộng là 23.815.000 đồng, đã nhận lại tài sản trị giá 2.700.000 đồng (*BL 1463*), yêu cầu bồi thường số còn lại là 21.115.000 đồng;

- Bị hại Lê Đình D3 yêu cầu bồi thường 17.140.000 đồng (bị cáo H và bị cáo H2);

- Bị hại Diệp Văn R yêu cầu bồi thường 70.000.000 đồng đã nhận tài sản trị giá 22.500.000 đồng (*BL 1458*), yêu cầu số còn lại là 47.500.000 đồng (bị cáo H và bị cáo H2);

- Đại diện Công ty TNHH Một thành viên C1 yêu cầu bồi thường 314.925.300 đồng, (đã nhận lại tài sản trị giá 19.319.200 đồng và tiền mặt 5.000.000 đồng, tổng cộng là 24.319.200 đồng, *BL 1466*), yêu cầu số còn lại là 290.606.100 đồng; (bị cáo H và bị cáo N1, H và N1 cho bị cáo T2 01 điện thoại);

- Bị hại là Công ty Cổ phần B2, yêu cầu bồi thường 134.981.100 đồng, đã nhận bồi thường (tiền mặt 25.000.000 đồng và 01 điện thoại trị giá 4.147.000 đồng, tổng cộng là 30.047.000 đồng, *BL 1462*), yêu cầu số còn lại là 104.934.100 đồng (bị cáo H và bị cáo H2);

- Bị hại Nguyễn Thị D2 đã nhận lại xe không yêu cầu gì thêm.

- Bị hại Nguyễn Thành L yêu cầu bồi thường 4.500.000 đồng, đã nhận đủ bồi thường 4.500.000 đồng từ bà N (mẹ của bị cáo H), không yêu cầu gì thêm.

Yêu cầu của các bị hại, các bị cáo đồng ý bồi thường được ghi nhận để buộc các bị cáo thực hiện. Tài sản chiếm đoạt do bị cáo H chiếm giữ, bán và tiêu xài cho riêng cá nhân nên buộc riêng bị cáo chịu trách nhiệm về việc bồi thường. Bị cáo H và bị cáo N1 cùng chiếm đoạt tài sản về tiêu xài chung (do sống chung như vợ chồng) nên buộc H và N1 chịu trách nhiệm bồi thường. Các bị cáo H2 và bị cáo T2 chỉ chịu phần tương ứng giá trị tài sản đã nhận.

Đối với anh Nguyễn Thanh H5 có lời khai cho rằng mua của bị cáo H 04 máy tính xách tay (BL 236-239). Tuy nhiên hiện anh H5 không có mặt ở địa phương theo Biên bản xác minh ngày 28/12/2023 (BL 240) nên tách việc giải quyết giữa anh H5 với bị cáo H để giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

4.1. Bị cáo Lê Văn H:

- Đối với tội “Trộm cắp tài sản”

+ *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Có tính chất chuyên nghiệp; tái phạm (theo quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải”, có bồi thường đủ cho bị hại L, có ông cố (ông Phan Văn P) là liệt sĩ (theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

- Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

+ *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Tái phạm (theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải”; có ông cố là liệt sĩ (theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

4.2. Bị cáo Trần Võ Ý N1:

- Đối với tội “Trộm cắp tài sản”

+ *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: “Phạm tội 02 lần trở lên” (theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải”, là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ, là người giúp sức (theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

- Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

+ *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Không.

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải”, là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ (theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

4.3. Bị cáo Tăng Minh H2:

- Đối với tội “Trộm cắp tài sản”

+ *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: “Phạm tội 02 lần trở lên” (theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải”, là người giúp sức (theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

- Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

+ *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Không.

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải” (theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

4.4. Bị cáo Nguyễn Huỳnh T2:

+ *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: “Phạm tội 02 lần trở lên” (theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: “Phạm tội gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải” (theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

4.5. Bị cáo Nguyễn Ngọc B:

+ *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Không.

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: “Phạm tội gây thiệt hại không lớn”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải” (theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Bị cáo B có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy vật chứng đã thu giữ do không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng; tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô để đảm bảo thi hành án.

[6] Những vấn đề khác: Ghi nhận tài sản đã trả cho chủ sở hữu.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử; quan điểm của người bào chữa cho bị cáo H có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Trần Võ Ý N1 và Tăng Minh H2 phạm “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Huỳnh Tài p “Tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị cáo Nguyễn Ngọc B phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 13 (mười ba) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Văn H chấp hành chung cho cả 02 tội là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2023.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Võ Ý N1 07 (bảy) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Võ Ý N1 01 (một) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Võ Ý N1 chấp hành chung cho cả 02 tội là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tăng Minh H2 07 (bảy) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tăng Minh H2 01 (một) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Tăng Minh H2 chấp hành chung cho cả 02 tội là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2023.

1.4. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh T2 03 (ba) năm tù về “Tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt với 06 năm 06 tháng tù tại Bản án số: 66/2023/HSST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh T2 chấp hành chung cho cả 02 tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày quyết định thi hành án phạt tù của Bản án số: 66/2023/HSST đã ấn định.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B 06 (sáu) tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/4/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc B về cho Ủy ban nhân dân Phường H7, thành phố B, gia đình của bị cáo phối hợp, giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự;

- (Vụ ngày 09-11-2022), buộc các bị cáo Lê Văn H, Trần Võ Ý N1 bồi thường cho bị hại Nguyễn Thanh D1 7.266.000 (bảy triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng, chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường 3.633.000 (ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn) đồng;

- (Vụ ngày 24-11-2022), buộc các bị cáo Lê Văn H bồi thường cho bị hại Nguyễn Thanh D1 13.849.000 (mười ba triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn) đồng (Do bị cáo T2 đã nộp lại 04 hộp sữa trị giá 2.700.000 đồng);

- Buộc các bị cáo Lê Văn H, Tăng Minh H2 bồi thường cho bị hại Lê Đình D3 17.140.000 (mười bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng, trong đó bị cáo H phải bồi thường 14.140.000 (mười bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng; bị cáo H2 phải bồi thường 3.000.000 (ba triệu) đồng;

- Buộc các bị cáo Lê Văn H, Tăng Minh H2 bồi thường cho bị hại Diệp Văn R 47.500.000 (bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, trong đó bị cáo H phải bồi thường 47.000.000 (bốn mươi bảy triệu) đồng; bị cáo H2 phải bồi thường 500.000 (năm trăm nghìn) đồng;

- Buộc các bị cáo Lê Văn H, Trần Võ Ý N1 bồi thường cho Công ty TNHH Một thành viên C1 290.606.100 (hai trăm chín mươi triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn một trăm) đồng, trong đó bị cáo H phải bồi thường 145.303.050 (một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm lẻ ba nghìn không trăm năm mươi) đồng; bị cáo N1 phải bồi thường 145.303.050 (một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm lẻ ba nghìn không trăm năm mươi) đồng;

- Buộc các bị cáo Lê Văn H, Tăng Minh H2 bồi thường cho Công ty Cổ phần B2 104.934.100 (một trăm lẻ bốn triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn một trăm) đồng, trong đó bị cáo H phải bồi thường 102.687.100 (một trăm lẻ hai triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn một trăm) đồng; bị cáo H2 phải bồi thường 2.247.000 (hai triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng;

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tách việc giải quyết giữa anh Nguyễn Thanh H5 với bị cáo Lê Văn H để giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Tịch thu tiêu hủy vật chứng khi Bản án có hiệu lực pháp luật gồm:

- Một thanh kim loại lục giác dài 12cm, đầu chữ L dài 02cm.
- Một mỏ lách bằng kim loại dài 29,5cm, hiệu Forged, loại 12 (in) -300mm.
- Một quần Jean ngắn, màu xanh.
- Một bình màu xanh đen, có chữ NATO CS-GAS SILLIARDE, cao 15cm, đường kính 3,5cm, được niêm phong có chữ ký của Phan Xuân T10 và Võ Thanh P1 (đã qua giám định).
- Một áo khoác màu đen, phía sau có hình trắng lưới liềm màu vàng.
- Một thanh kim loại lục giác dài 10,5cm, đầu chữ L dài 1,5cm.
- Một cò- lê bằng kim loại dài 13cm, khoá 10-14.
- Một thanh kim loại lục giác L, một đầu được đập dẹp, cong kích thước 13cm x 07cm.
- Một thanh kim loại lục giác dài 9,5cm, đầu chữ L dài 1,5cm.
- Một nón màu đen có chữ "R".
- Một cây dũa tam giác bằng kim loại dài 12,5cm.
- Một thanh kim loại có một đầu dẹp, một đầu 04 cạnh, dài 13cm.
- Một thanh kim loại lục giác dài 15cm, đầu chữ L dài 03cm.
- Một thanh kim loại lục giác dài 13cm, đầu chữ L dài 03cm.
- Một áo khoác màu đen, hai bên vai có chữ màu trắng "Supreme".
- Một thanh kim loại lục giác dài 22cm, đầu chữ L dài 04cm.
- Một đầu phát lửa (khò) dùng cho bình ga M-ni, màu đen.
- Một thanh kim loại lục giác dài 16,5cm, đầu chữ L dài 3,5cm.
- Một thùng bằng giấy, kích thước 32cm x 32cm x 33cm.
- Một bình thủy tinh màu trắng, nắp màu xanh cao 14cm, đường kính đáy 04cm, trên nắp có găng ống phiếu dài 10cm.
- Hai mảnh khoen kim loại.

- Một phong bì được niêm phong có chữ ký của Phạm Hải N3 và Nguyễn Ngọc M3, trên phong bì có đóng dấu của Phòng K1 Công an tỉnh B. Bên trong phong bì có một túi Ni-long màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp, kích thước 03cm x 03cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng và một túi Ni-long màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp, kích thước 03cm x 3,5cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (đã qua giám định).

- Một quần lửng màu cam.

- Một hộp màu đỏ vàng, kích thước 06cm x 05cm x 3,5cm, có ghi chữ “Tiệm bạc Kim Ngân K”.

- Một nỏ thủy tinh màu trắng.

- Một phong bì được niêm phong có chữ ký của Phạm Hải N3 và Nguyễn Ngọc M3, trên phong bì có đóng dấu của Phòng K1 Công an tỉnh B. Bên trong phong bì có túi N4-long màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp, kích thước 03cm x 03cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (đã qua giám định).

- Một áo thun tay ngắn màu đen.

- Một kéo kim loại màu trắng dài 16cm.

- Đoạn dây xích, mảnh khoen.

- Một cây kiểm bằng kim loại màu cam-đen kích thước 36x10cm, tay cầm có bọc nhựa màu đen, có ghi chữ Aski (có niêm phong).

- Một nón bảo hiểm màu xanh, có chữ U.

- Một hộp điện thoại hiệu VIVO Y2, màu trắng, số I: 866855089880417.

- Một biển số xe 51-R2-6917.

* Tiếp tục tạm giữ: Một xe mô-tô nhãn hiệu HONDA, số loại: Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển số 71B4-312.07, số khung: RLHJA3917LY150675, số máy JA39E1487494. Tình trạng xe: xe ngưng hoạt động, không xác định được chất lượng bên trong xe. Để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H và bị cáo N1.

(Các đồ vật trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/3/2024 hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre đang quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

4.1. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Văn H, Trần Võ Ý N1, Tăng Minh H2, Nguyễn Huỳnh T2, Nguyễn Ngọc B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Lê Văn H phải chịu 16.330.000 (mười sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng (tính chẵn);

Bị cáo Trần Võ Ý N1 phải chịu 7.446.000 (bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng (tính chẵn);

Bị cáo Tăng Minh H2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng;

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo Bản án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường X, phường P, phường T, xã P - thành phố B (4b);
- Các bị cáo (5b);
- Bị hại (7b);
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (2b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (20b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh